TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tuấn.**

Ông **Nguyễn Văn Tùng**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Hoàng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Tuấn D**, sinh năm 1991.

Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2.

Địa chỉ: Số A - A, đường P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

Đặng Văn B, sinh năm 1985.

Nguyễn Thị L, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Võ Văn H**, sinh năm 1981.

Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Duy, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L có mặt;

anh B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại tờ tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin vắng mặt phiên tòa anh Huỳnh Tuấn D trình bày:*

Anh là chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2 (Gọi tắt là: Cửa hàng) chuyên bán thức ăn, hiện nay Cửa hàng của anh vẫn còn hoạt động bình thường. Vào ngày 01/10/2022, anh và anh H có thỏa thuận là anh H sẽ chuyển giao toàn bộ các khoản nợ của khách hàng nợ anh H (trong đó có khoản nợ của anh B, chị L) qua cho anh và anh được toàn quyền quyết định các khoản nợ này. Trước ngày 01/01/2019, anh B, chị L nhiều lần mua thức ăn của anh H (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2) để chăn nuôi ếch (cụ thể thời gian từng lần không nhớ). Đến ngày 01/01/2019, hai bên chốt nợ thì anh B và chị L còn nợ tiền thức ăn của anh H tổng cộng là 9.600.000 đồng, có giấy xác nhận nợ. Đối với toàn bộ chữ viết, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Thị L trong giấy xác nhận nợ mà anh cung cấp cho Tòa án là do chính chị L viết và ký tên. Do anh B không có ở nhà nên anh B không có ký tên vào giấy xác nhận nợ. Các giấy tờ mua bán hiện không còn, anh chỉ còn giấy xác nhận nợ mà chị L đã ký nhận.

Theo đơn khởi kiện thì anh yêu cầu buộc anh B và chị L liên đới trả cho anh số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 9.600.000 đồng và tiền lãi 4.512.000 đồng (với mức lãi suất là 1%/tháng, 1 tháng là 96.000 đồng x 74 tháng = 4.512.000 đồng), tổng cộng là 14.112.000 đồng.

Tại đơn xin vắng mặt phiên tòa và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2023, anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi, anh chỉ yêu cầu buộc anh B và chị L liên đới trả cho anh số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 5.600.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, anh D không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

**** Theo ý kiến tại tờ tự khai và biên bản lấy lời khai anh Đặng Văn B trình bày:***

Trước đây anh có mua thức ăn của H1 kinh doanh cửa hàng T2, mua thời gian nào và bao nhiêu lần không nhớ, anh thừa nhận có nợ tiền thức ăn là 9.600.000 đồng. Chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Thị L trong giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn giao nộp là của chị L. Sau khi ký giấy xác nhận thì trong năm 2020, anh có trả cho lính (là nữ không biết họ tên) của chị Mộng T (vợ anh H) và người đó có viết biên nhận cho anh, nhưng biên nhận anh đã bỏ mất. Anh xác nhận còn nợ H1 kinh doanh cửa hàng T2 là 5.600.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

Ngoài ra, anh B không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

**** Theo ý kiến tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Anh B là người mua thức ăn của anh Võ Văn H – Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T2, chị thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Thị L trong giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn giao nộp là do chính chị ký và viết ra. Chị thừa nhận chị và anh B có nợ số tiền 9.600.000 đồng theo giấy xác nhận nợ. Nhưng sau đó anh B đã trả thêm được 4.000.000 đồng (anh B là người trực tiếp trả), khi trả có làm giấy tờ nhưng anh B và chị đã bỏ mất, còn nợ lại số tiền 5.600.000 đồng và chị đồng ý trả số tiền này cho anh D.

Ngoài ra, chị L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

**** Theo ý kiến tại văn bản ý kiến anh Võ Văn H trình bày:*** Vào ngày 01/10/2022, anh và anh D có làm tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ và chữ ký, chữ viết ghi họ và tên Võ Văn H trong tờ thỏa thuận này là của anh, theo đó các khoản nợ mà khách hàng nợ bên anh (trong đó có khoản nợ của anh B, chị L) sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho anh D. Anh D được toàn quyền quyết định đối với các khoản nợ này. Đối với việc chuyển giao này thì anh đã có thông báo bằng miệng cho khách hàng. Đồng thời, anh cam kết sẽ không tranh chấp các khoản nợ này về sau với khách hàng trên. Ngoài ra đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, anh H không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn chị L đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật; Bị đơn anh B chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn D (Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T2) về nợ gốc 4.000.000 đồng và lãi suất.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D (Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T2), buộc anh B và chị L có trách nhiệm liên đới trả cho anh D 5.600.000 đồng, không tính lãi suất.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Đơn khởi kiện tên Huỳnh Tuấn D (Bản chính).

+ Tờ tự khai tên Huỳnh Tuấn D (Bản chính).

+ Căn cước công dân (Bản sao).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao).

+ Giấy xác nhận nợ không ghi ngày tháng năm (Bản photo, bản chính).

+ Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ghi ngày 01/10/2022 (Bản chính).

+ Đơn xin vắng mặt phiên tòa ngày 28/7/2023 (Bản chính).

+ Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (Bản chính).

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ T1 khai tên Đặng Văn B (Bản chính).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Văn bản ý kiến tên Võ Văn H (Bản chính).

+ Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt tên Võ Văn H (Bản chính).

- Tại liệu, chứng cứ Tòa án thu thập gồm:

+ Biên bản lấy lời khai tên Đặng Văn B ngày 02/6/2023 (Bản chính).

+ Biên bản lấy lời khai tên Nguyễn Thị L ngày 08/6/2023 (Bản chính).

+ Phiếu xác minh (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và tại phiên tòa.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B và chị L liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 5.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú tại ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp

Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, anh D yêu cầu anh B và chị L liên đới trả số tiền gốc là 9.600.000 đồng và lãi là 4.512.000 đồng, tại đơn xin vắng mặt phiên tòa và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2023 anh D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi 4.512.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh D là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi là 4.512.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B, anh D và anh H.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D yêu cầu buộc anh B và chị L liên đới trả cho anh D số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 5.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Anh D cho rằng trước đây anh B và chị L nhiều lần mua thức ăn của Hộ kinh doanh cửa hàng T2 do anh H làm chủ và còn nợ anh H số tiền gốc 5.600.000 đồng. Tại tờ tự khai ngày 02/6/2023, biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2023 của anh B, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2023 và lời khai của chị L tại phiên tòa thì chị L, anh B thừa nhận còn nợ tiền thức ăn của H1 kinh doanh cửa hàng T2 số tiền 5.600.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, lời trình bày trên của anh D là có cơ sở và việc anh H có bán thức ăn cho anh B và chị L là có thật, vì anh B, chị L thừa nhận có mua thức ăn và còn nợ số tiền 5.600.000 đồng. Ngoài ra, tại văn bản ý kiến anh H thừa nhận vào ngày 01/10/2022, anh H và anh D có làm tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ và chữ ký, chữ viết ghi họ và tên Võ Văn H trong tờ thỏa thuận này là của anh H, theo đó các khoản nợ mà khách hàng nợ bên anh H (trong đó có khoản nợ của anh B và chị L) sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho anh D. Anh D được toàn quyền quyết định đối với các khoản nợ này.

Đối với anh B đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Anh D không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[4] Về án phí:

- Anh D1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh D1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Anh B và chị L phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích như trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 365, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2, đối với yêu cầu anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị L liên đới trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 4.512.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2.

Buộc anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2 số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

- Anh Huỳnh Tuấn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T2 số tiền 353.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0016991, ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị L phải liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Hoàng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Thị Thi